

DỊCH VỤ KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC NINH - NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

Hà Sơn Tùng*, Nguyễn Thị Nga**

Ngày nhận. 21/6/2014

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2014

Ngày duyệt đăng 25/7/2014

Tóm tắt

Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp là một loại hình dịch vụ hỗ trợ kinh doanh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định khả năng thu hút đầu tư và sự phát triển của các khu công nghiệp. Những năm qua, nhiều tỉnh, thành phố đã có sự quan tâm nhất định tới việc nghiên cứu và phát triển loại hình dịch vụ này. Bắc Ninh là một trong số đó. Bài viết nhằm mục đích đánh giá loại hình dịch vụ này trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh dựa trên nhận định từ: Người cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ và cơ quan, ban ngành có liên quan. Nghiên cứu tập trung vào 4 loại dịch vụ kỹ thuật trong khu công nghiệp bao gồm: dịch vụ cung cấp điện, dịch vụ cung cấp nước sạch, dịch vụ xử lý chất thải, dịch vụ cho thuê kho bãi. Từ nhận định các bên về các dịch vụ này, bài nghiên cứu đưa ra các kết luận và hướng phát triển cho các dịch vụ này trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

Từ khóa: dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp...

1. Đặt vấn đề

Theo báo cáo tổng kết của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh năm 2012, “hầu như trong các khu công nghiệp, đặc biệt là khu công nghiệp do doanh nghiệp trong nước làm chủ đầu tư, việc xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp theo quy hoạch được duyệt chưa được giám sát chặt chẽ, dẫn tới việc các địa phương và chủ đầu tư xây dựng khu công nghiệp không tuân thủ quy hoạch hoặc không thực hiện các hạng mục công trình theo quy hoạch (như hệ thống xử lý nước thải, chất thải,...). Do các công trình hạ tầng đòi hỏi lượng vốn đầu tư lớn, lợi ích kinh tế trực tiếp không lớn, thời gian xây dựng kéo dài... làm giảm tính đồng bộ dẫn đến giảm hiệu quả của hệ thống hạ tầng, giảm tính hấp dẫn với nhà đầu tư”. Những nhận định bước đầu này cho thấy, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh chưa thỏa mãn sự trông đợi của các doanh nghiệp. Để có cái nhìn rõ và sâu hơn về vấn đề này, việc đánh giá thực trạng, từ đó phác họa

hướng phát triển cho dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh là việc làm cần thiết.

2. Nội hàm dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Để có cái nhìn bao quát hơn về dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, tác giả sẽ bắt đầu từ định nghĩa về dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Có nhiều định nghĩa khác nhau về dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Theo UNCTAD (1995), dịch vụ hỗ trợ kinh doanh là những dịch vụ nhằm cải thiện hoạt động của doanh nghiệp, đó là bất kỳ dịch vụ nào được các doanh nghiệp sử dụng nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng kinh doanh; bao gồm các dịch vụ mang tính chiến lược và các dịch vụ tác nghiệp. Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh được tạo ra nhằm phục vụ từ bên ngoài đối với mỗi tổ chức kinh doanh riêng lẻ, thay vì doanh nghiệp đó mở rộng quy mô kinh doanh để tự phục vụ. Hay Kazak (2001) cho rằng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh là bất kỳ một dịch vụ

phi tài chính nào được cung cấp cho các doanh nghiệp một cách chính thức hoặc phi chính thức.

Từ các quan niệm đã được nghiên cứu trước đây, tác giả cho rằng “*Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh bao gồm tất cả các dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh đáp ứng nhu cầu về cung ứng đầu vào, tổ chức quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trên nguyên tắc đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chi phí đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp*”.

Trong khu công nghiệp có 2 loại hoạt động sản xuất kinh doanh chính: (1) Hoạt động đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (thuê đất của Nhà nước và đầu tư tạo ra hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp để cho thuê lại) và (2) Các hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư thứ cấp (thuê đất có hạ tầng của nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp để đầu tư sản xuất kinh doanh). Tương ứng với 2 loại hoạt động sản xuất kinh doanh chính nói trên cũng có 2 nhóm hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh:

Nhóm thứ nhất, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư thứ cấp, gồm 2 loại: (1) những dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong hàng rào khu công nghiệp (do công ty đầu tư phát triển hạ tầng cung cấp); (2) những dịch vụ hỗ trợ kinh doanh ngoài hàng rào khu công nghiệp (thường không phải do công ty đầu tư phát triển hạ tầng cung cấp).

Nhóm thứ hai, các dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (là các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động của công ty đầu tư phát triển hạ tầng) như dịch vụ môi giới đầu tư vào khu công nghiệp; tư vấn thủ tục đầu tư, xây dựng; dịch vụ quy hoạch, thiết kế, thi công; tư vấn xử lý chất thải; cung cấp vật liệu xây dựng...

Từ đó cho thấy *dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp là một loại dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp*.

Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, về cơ bản bao gồm đường giao thông nội khu, kho bãi, hệ thống lưới điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp và thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, thông tin liên lạc, các công trình công cộng phục vụ sản xuất, kinh doanh... Các dịch vụ này là đối tượng kinh doanh chủ yếu của các đơn vị kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, nhưng cũng vẫn phụ thuộc vào mức độ phát triển kết cấu hạ tầng chung của quốc gia và của vùng cũng như các chính sách cụ thể đối với việc phát

triển khu công nghiệp.

Nhóm dịch vụ này được phân biệt với các dịch vụ ngoài hàng rào khu công nghiệp bao gồm các dịch vụ phục vụ đời sống gắn với các công trình hạ tầng xã hội như: nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, trường học, bệnh viện, nhà trẻ, chợ, trung tâm thương mại và các công trình văn hóa xã hội khác; hoặc là các dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh như: dịch vụ quản lý, vận tải, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, Marketing, quảng cáo, phát triển công nghệ thông tin, tư vấn pháp lý, đào tạo, tuyển dụng lao động...

3. Thiết kế nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp: nhằm thu thập dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo, số liệu thống kê được xuất bản, các kết quả nghiên cứu đã được công bố trong các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Phương pháp chuyên gia: Phỏng vấn chuyên gia nhằm thu thập các dữ liệu định tính.

- Phương pháp điều tra chọn mẫu: Thông qua việc sử dụng bảng hỏi có cấu trúc để đánh giá góc nhìn từ phía chủ đầu tư khu công nghiệp và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trong khu công nghiệp.

Từ hơn 400 doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, mẫu phỏng vấn bao gồm:

+ Mẫu phỏng vấn các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp: 250 phiếu; gồm chủ doanh nghiệp/giám đốc, phó giám đốc trong một số khu công nghiệp như Tiên Sơn; Quế Võ; Đại Đồng - Hoàn Sơn; Yên Phong; Thuận thành 3; VSIP Bắc Ninh (*Các doanh nghiệp này được lựa chọn theo ngành nghề kinh doanh, loại hình kinh doanh, quy mô doanh nghiệp...vv*).

+ Mẫu phỏng vấn các doanh nghiệp cung cấp Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp: 18 phiếu. Do loại hình Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong mỗi khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh được cung cấp bởi 1 công ty làm chủ đầu tư. Do vậy, tác giả lựa chọn phỏng vấn chủ doanh nghiệp/giám đốc, các phó giám đốc trong 6 khu công nghiệp là Tiên Sơn; Quế Võ; Đại Đồng - Hoàn Sơn; Yên Phong; Thuận Thành 3; và VSIP Bắc Ninh.

+ Mẫu phỏng vấn các chuyên gia thuộc cơ quan, ban ngành với việc đánh giá Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp ở tỉnh: 10 phiếu; gồm chuyên gia thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND tỉnh Bắc Ninh, chủ đầu tư doanh

ngành cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, và chủ doanh nghiệp sử dụng Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh

3.2. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu dữ liệu thứ cấp để hình thành khung nghiên cứu. Sau đó, để có cái nhìn rõ hơn về dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp tác giả tiến hành phỏng vấn 10 chuyên gia (như đã trình bày ở trên). Các ý kiến này sau đó được kết hợp với phân tích dữ liệu thứ cấp để xây dựng bảng hỏi có cấu trúc gồm 02 bảng hỏi riêng biệt cho đối tượng là doanh nghiệp cung cấp và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp. Hai bảng hỏi này được gửi đi phỏng vấn thử với 10 doanh nghiệp cung cấp và sử dụng dịch vụ này trong khu công nghiệp. Sau khi phản hồi từ 10 doanh nghiệp nói trên chỉ rõ không có vấn đề gì gây hiểu lầm cho người trả lời, bước cuối cùng tiến hành là chấp nhận phiên bản chính thức và gửi đi cho toàn bộ các doanh nghiệp thuộc 02 đối tượng được sử dụng.

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu sau khi được thu thập thông qua các bảng hỏi có cấu trúc sẽ được “làm sạch”; sau đó dữ liệu được mã hóa và nhập dữ liệu để phân tích bằng phần mềm SPSS.

4. Mô tả kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả mẫu

Quá trình thu thập dữ liệu thông qua bảng hỏi với

250 doanh nghiệp sử dụng dịch vụ, kết quả thu được 250 phiếu trả lời. Sau khi kiểm tra, tác giả loại bỏ 19 phiếu trả lời không hợp lệ do thiếu thông tin hoặc trả lời không đúng yêu cầu của phiếu và giữ lại 231 phiếu trả lời hợp lệ. Như vậy, số mẫu được chọn để tiến hành phân tích và kiểm định là $n = 231$. Thống kê mô tả mẫu như bảng 1, 2.

4.2. Đánh giá từ phía doanh nghiệp cung cấp và sử dụng dịch vụ

Nghiên cứu tập trung đánh giá 5 loại hình Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật bao gồm: dịch vụ xử lý chất thải, dịch vụ cung cấp nước sạch, dịch vụ cung cấp điện, dịch vụ cho thuê kho bãi. Diễn đàn phát triển Việt Nam (2012) cho rằng các dịch vụ này có thể được đánh giá dựa trên các tiêu chí như thể hiện trong các phân tích dưới đây.

4.2.1. Dịch vụ cung cấp điện

Theo kết quả điều tra, nhu cầu sử dụng điện của các doanh nghiệp trong sản xuất là rất lớn và có yêu cầu cao đối với việc cung cấp điện ổn định (chất lượng điện áp, không bị mất điện đột ngột). Toàn bộ hệ thống điện trong các khu công nghiệp đều được thiết kế theo hướng tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho các nhà đầu tư. Hơn nữa, để đảm bảo nhu cầu cung cấp điện trong khu công nghiệp, quy hoạch mạng lưới điện của tỉnh thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung bao gồm hệ thống đường dây và các trạm biến áp 220KV, 110KV.

Trong các khu công nghiệp, điện áp luôn được Ban Quản lý các khu công nghiệp quan tâm đúng

Bảng 1: Đặc điểm mẫu khảo sát theo quy mô doanh nghiệp

Quy mô doanh nghiệp	Số lượng doanh nghiệp	Tỷ lệ %
Dưới 200 người	87	37,7
Từ 200-300 người	92	39,8
Trên 300 người	52	22,5
Tổng số	231	100

(Nguồn: Tác giả nghiên cứu)

Bảng 2: Đặc điểm mẫu khảo sát theo ngành kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh	Số lượng doanh nghiệp	Tỷ lệ %
Điện tử, viễn thông	83	35,9
Cơ khí, chế tạo công nghiệp phụ trợ	68	29,4
Chế biến	32	13,9
Kho vận	36	15,6
Khác	12	5,2
Tổng	231	100

(Nguồn: Tác giả nghiên cứu)

mức. Các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động đều được cấp điện từ lưới điện quốc gia qua trạm biến áp 110/22KV với công suất 2x63MVA hoặc công suất 2x40 MVA và hệ thống truyền tải điện dọc theo các lô đất để đảm bảo cấp điện đầy đủ và ổn định đến hàng rào cho mọi nhà đầu tư trong khu công nghiệp. Nhà đầu tư có thể lựa chọn sử dụng điện trung thế hoặc hạ thế tùy theo yêu cầu. Để thuận tiện trong quá trình sử dụng của doanh nghiệp, các trạm biến thế được xây dựng ngầm theo các tuyến đường bao quanh khu công nghiệp.

Kết quả khảo sát (hình 1) cho thấy, việc cắt điện có báo trước xảy ra thường xuyên (94/231, chiếm 40,7%). Trong khi đó, việc ít cắt điện và điện áp ổn định chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn (73/23, chiếm 31,6%). Với các doanh nghiệp sản xuất, việc cắt điện cho dù có báo trước hay không hoặc điện được cung cấp không ổn định sẽ gây cản trở không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì vậy, dù Ban Quản lý các khu công nghiệp, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đã có nhiều cố gắng trong việc cung cấp dịch vụ nhưng thống kê cho thấy doanh nghiệp sử dụng chưa thực sự hài lòng về dịch vụ này.

4.2.2. Dịch vụ cung cấp nước sạch

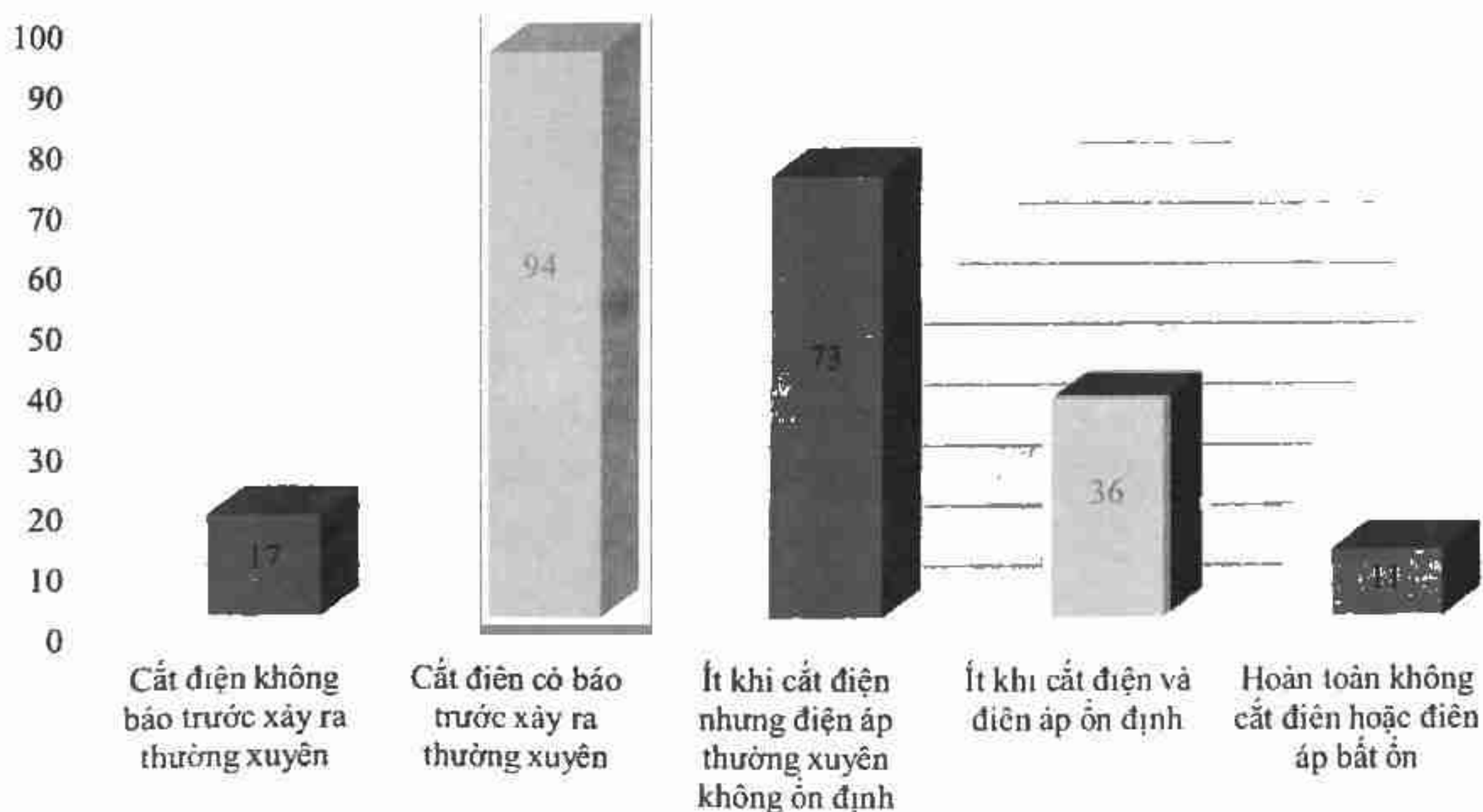
Trong giai đoạn đầu khi khu công nghiệp mới thu hút được số lượng ít doanh nghiệp thứ cấp đi vào hoạt động thì các chủ đầu tư chưa đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch; hoặc đã đầu tư nhưng không

vận hành do doanh thu từ dịch vụ này không bù đắp được chi phí vận hành. Trong khi vốn đầu tư cho lĩnh vực này không phải nhỏ. Chính vì vậy, nhiều khu công nghiệp khi đi vào hoạt động một thời gian (3-5 năm) chủ đầu tư mới xây dựng hệ thống cấp nước sạch theo quy hoạch đầu tư hạ tầng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhận thức được điều này Ban quản lý các khu công nghiệp đã yêu cầu các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp sớm thực hiện hạng mục này để đảm bảo môi sinh thái, đồng thời tạo môi trường đầu tư hấp dẫn hơn.

Kết quả khảo sát cho thấy: một số khu công nghiệp đã chú ý tới việc xây dựng hệ thống cung cấp nước một cách đồng bộ, khá đầy đủ và hiện đại. Như nhà máy cung cấp nước ở khu công nghiệp Quế Võ đạt công suất 10.000 m³/ngày, nhà máy cung cấp nước ở khu công nghiệp Yên Phong có công suất giai đoạn I là 6.500 m³/ngày, khu công nghiệp Tiên Sơn với nhà máy cung cấp nước có công suất 6.500 m³/ngày đêm. Các khu công nghiệp này có tỷ lệ lấp đầy và số doanh nghiệp đi vào hoạt động lớn; bên cạnh đó cũng có một số khu công nghiệp chưa đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ cung cấp nước sạch và hệ thống xử lý nước thải đồng bộ như: khu công nghiệp Quế Võ 2 (chủ đầu tư là Công ty CP IDICO Việt Nam), khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn (Chủ đầu tư khu công nghiệp là Công ty CP Saigontel). Kết quả là các khu công nghiệp này có tính hấp dẫn đầu tư thấp và bị các doanh nghiệp thứ cấp phản nản nhiều.

Kết quả điều tra (hình 2) cho thấy việc cung cấp

Hình 1: Đánh giá mức độ cung cấp điện trong Khu công nghiệp Bắc Ninh



Nguồn: Tác giả nghiên cứu

nước cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp được đánh giá ở mức khá (90/231 doanh nghiệp cho rằng dung lượng và chất lượng tạm ổn, chiếm 38,9%; 108/231 doanh nghiệp cho rằng dung lượng và chất lượng thỏa mãn nhu cầu, chiếm 46,7%). Tuy vậy, có tới 19 doanh nghiệp, (chiếm 8,2%) cho rằng có nguồn cung cấp nước nhưng chất lượng và dung lượng không đảm bảo.

Mặc dù các nhà đầu tư sơ cấp trong khu công nghiệp đã nỗ lực xây dựng hệ thống cung cấp nước đảm bảo nhu cầu doanh nghiệp nhưng kết quả cho thấy các doanh nghiệp sử dụng chưa hoàn toàn hài lòng về dịch vụ cung cấp nước sạch trong khu công nghiệp.

Tiêu biểu như khu công nghiệp Yên Phong, do thiếu nguồn nước ngầm, chủ đầu tư phải khai thác thêm nước mặt (dẫn nước từ sông Cầu về khu công

nh nghiệp). Điều này ảnh hưởng tới việc cung cấp nước thường xuyên, chất lượng nước, dung lượng cũng không ổn định. Liên quan tới phí cung cấp nước, các khu công nghiệp trong tỉnh có mức giá khác nhau. Bảng 3 sẽ cho thấy điều đó.

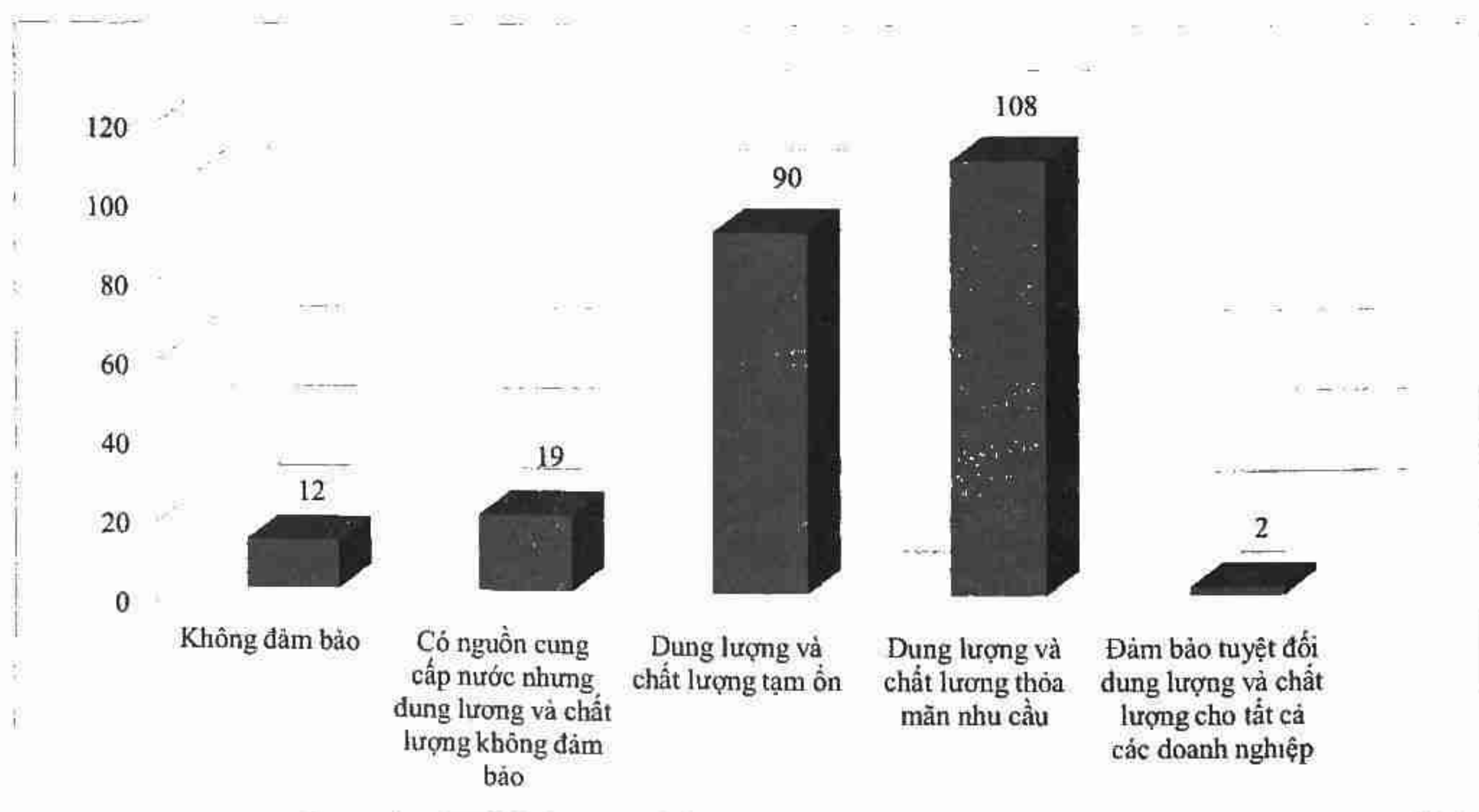
So sánh mức giá này với mức giá nước trung bình trong khu công nghiệp tại một số tỉnh (0,385USD/m³ tại khu công nghiệp ở Đồng Nai; 0,32 USD/m³ tại khu công nghiệp ở Sóc Sơn; 0,32 USD/m³ tại khu công nghiệp ở Hải Dương) có thể thấy mức giá sử dụng nước tại các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh là tương đối thấp. Điều này cho thấy: (1) đây có thể coi là một lợi thế giúp làm giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (2) hoặc cũng có thể là chất lượng dịch vụ cung cấp và chất lượng nước thấp. Theo khảo sát sâu thì tại các khu công nghiệp Bắc Ninh trường

Bảng 3: Mức giá sử dụng nước tại một số khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh năm 2012

STT	Khu công nghiệp	Mức giá sử dụng (USD/m ³)
1	Tiên Sơn	0.286
2	Quế Võ	0.280
3	Yên Phong	0.286
4	VSIP Bắc Ninh	0.310
5	Đại Đồng - Hoàn Sơn	0.280
6	Thuận Thành 3	0.300

Nguồn: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh (2012)

Hình 2: Đánh giá mức độ cung cấp nước trong Khu công nghiệp Bắc Ninh



Nguồn: Tác giả nghiên cứu

hợp thứ 2 xảy ra phổ biến hơn.

4.2.3. Dịch vụ xử lý chất thải

Trong những năm qua, công tác xử lý chất thải trong các khu công nghiệp luôn được quan tâm đặc biệt. Theo nhận định từ Ban Quản lý các khu công nghiệp, về cơ bản dịch vụ cung cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật nói chung và dịch vụ xử lý chất thải nói riêng trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã được đầu tư. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp Bắc Ninh.

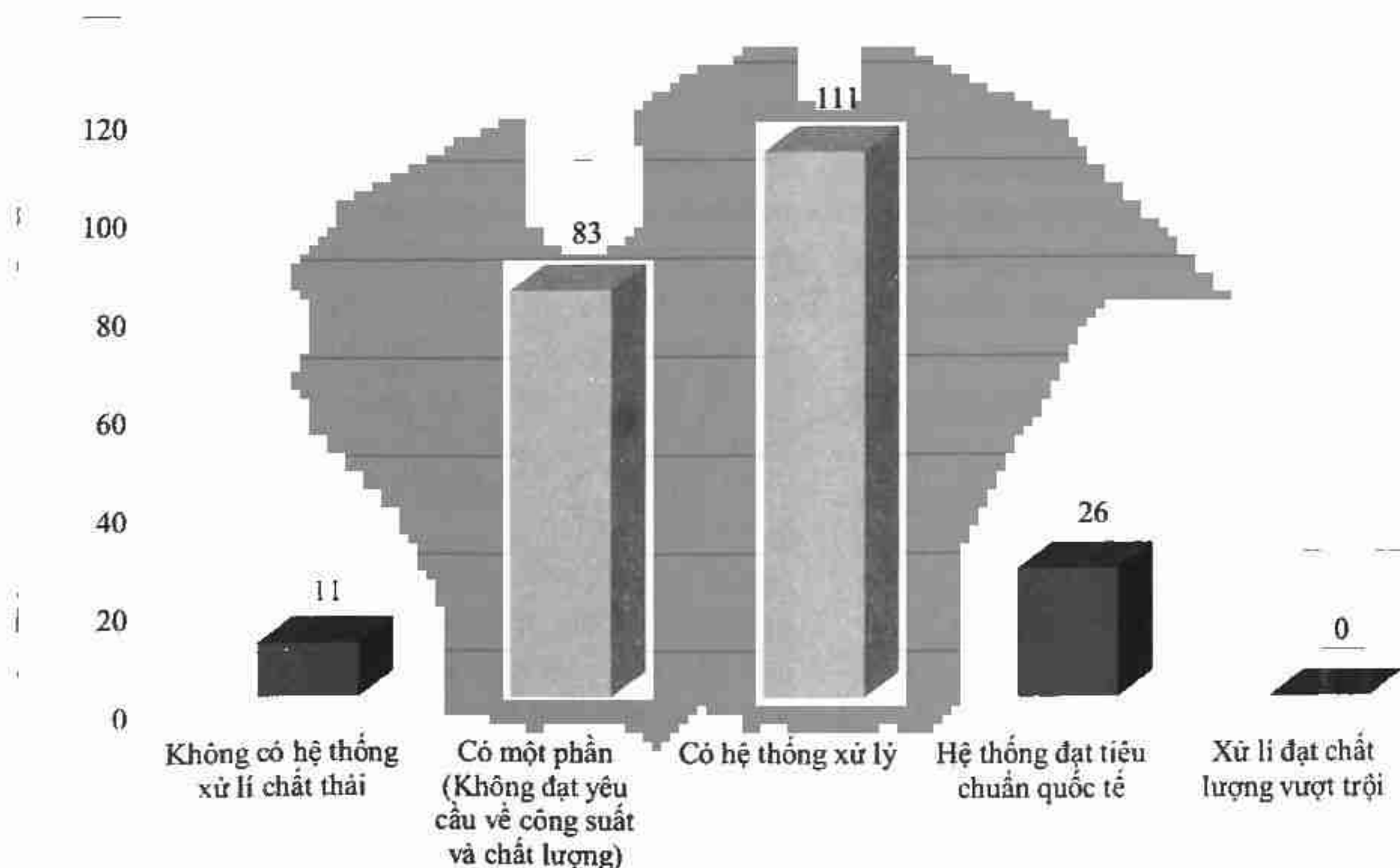
Kết quả khảo sát cho thấy, một số khu công nghiệp đã được đầu tư hạ tầng đồng bộ như khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, khu công nghiệp Tiên Sơn, khu công nghiệp Quế Võ. Các khu công nghiệp đang hoạt động đều có trạm xử lý nước ngầm với hệ thống bể nước điều hòa dung tích lớn. Mặc dù các khu công nghiệp ở vị trí khác nhau và có đặc điểm địa lý không đồng nhất, nhưng hệ thống thoát nước mưa trong các khu công nghiệp được thiết kế riêng theo nguyên tắc chung là tự chảy. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa, gồm hệ thống cống tự chảy thu gom vào xử lý cục bộ rồi mới xả vào hệ thống thoát nước thải tập trung của khu công nghiệp. Sau đó, nước thải được xử lý trong trạm xử lý nước thải tập trung đạt cấp A theo tiêu chuẩn TCVN 6984-2001 và xả ra kênh hệ thống tưới tiêu.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các doanh nghiệp sử dụng trong khu công nghiệp, đáng quan tâm là có tới 111/231 doanh nghiệp (chiếm 48%) cho rằng dịch vụ xử lý chất thải mới chỉ dừng ở mức có hệ thống xử lý; 83/231 doanh nghiệp (chiếm 36%) cho rằng khu công nghiệp chỉ có một phần (không đạt yêu cầu về công suất và chất lượng).

Trong các khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh, hầu hết hệ thống cấp thoát nước đã được đầu tư đến chân hàng rào từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, ở một số khu công nghiệp điển hình như khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, khu công nghiệp Quế Võ, hệ thống tiêu thoát nước vẫn bị tách rời, chưa được đầu tư nối vào hệ thống cống chung của cả khu nên không thể thu gom nước thải của những doanh nghiệp này vào để xử lý.

Nhiều doanh nghiệp phải tự khoan giếng để khai thác nước ngầm cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất; đồng thời doanh nghiệp phải tự đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp. Vì vậy, lượng nước thải của các doanh nghiệp đạt thấp, khoảng 1.200-1.300m³/ngày đêm, nên không phát huy hết công suất của hệ thống, dẫn đến chi phí bình quân/m³ nước thải qua xử lý cao. Mặc dù nhà đầu tư đã phải bù lỗ một phần nhưng giá thành của 1m³ nước thải qua xử lý mà các doanh nghiệp phải trả vẫn lên tới hơn 4.500 đồng. Mức chi phí cao như vậy đã gây trở ngại cho các doanh nghiệp trong việc

Hình 3: Đánh giá mức độ xử lý chất thải trong Khu công nghiệp Bắc Ninh



Nguồn: Tác giả nghiên cứu

Bảng 4: Mức giá xử lý nước thải tại một số khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh năm 2012

STT	Khu công nghiệp	Mức giá sử dụng (USD/m ³)
1	Tiên Sơn	0.245
2	Quế Võ	0.200
3	Yên Phong	0.188
4	VSIP Bắc Ninh	0.190
5	Đại Đông - Hoàn Sơn	0.200
6	Thuận Thành 3	0.200

Nguồn: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh (2012)

ký hợp đồng để xử lý nước thải. Đây cũng chính là nguyên nhân khiến nhiều doanh nghiệp cố tình vi phạm Luật Bảo vệ môi trường, xả nước thải vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp nhằm giảm chi phí sản xuất. Qua khảo sát cho thấy, phí xử lý nước thải tại các khu công nghiệp cũng khác nhau như bảng 4.

Có thể thấy, mức giá xử lý nước thải ở các khu công nghiệp trong tỉnh có sự chênh lệch. Điều này có thể được lý giải bởi chi phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải của chủ đầu tư ở từng khu công nghiệp là khác nhau do sự khác nhau về thời điểm đầu tư, công nghệ xử lý, công suất thiết kế, số lượng khách hàng (doanh nghiệp) sử dụng...

So sánh mức giá này với mức giá trung bình xử lý nước thải trong khu công nghiệp tại một số tỉnh (0,32USD/m³ tại khu công nghiệp ở Đồng Nai, 0,214 USD/m³ tại khu công nghiệp ở Sóc Sơn, 0,214 USD/m³ tại khu công nghiệp ở Hải Dương, 0.2 USD/m³ tại khu công nghiệp ở Hưng Yên), có thể thấy mức giá xử lý nước thải tại các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh ở mức độ hợp lý. Điều này gợi ý các doanh nghiệp cung cấp có thể xem xét để đưa ra mức giá có sức cạnh tranh hơn nữa so với các khu công nghiệp ở địa phương khác nhằm tăng khả năng thu hút đầu tư.

4.2.4. Dịch vụ cho thuê kho bãi

Kết quả khảo sát cho thấy, chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp ngoài việc cho các doanh nghiệp thứ cấp thuê lại đất sạch (là đất đã được đầu tư đầy đủ kết cấu hạ tầng kỹ thuật (đã san lấp bằng tiêu chuẩn cốt xây dựng, có hệ thống đường giao thông hoàn chỉnh, có hệ thống cung cấp điện, nước) thì họ cũng đa dạng hóa dịch vụ bằng việc cung cấp các nhà xưởng xây sẵn cho nhà đầu tư thứ cấp thuê lại để thực hiện dự án với diện tích trung bình 500-1000 m² phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp sử dụng. Tuy nhiên, mặc dù hệ thống nhà xưởng cho thuê trên diện tích tương đối lớn đã được xây dựng tại các khu công nghiệp này nhưng diện tích và sự

thuận tiện của các kho bãi này không phù hợp nhu cầu doanh nghiệp.

Kết hợp với phỏng vấn sâu đối với một số doanh nghiệp sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của Nhật Bản và Việt Nam tại các khu công nghiệp cho thấy doanh nghiệp cần các nhà xưởng có diện tích nhỏ hơn nhiều so với diện tích đã được xây. Trong khi các doanh nghiệp chỉ cần diện tích nhà xưởng khoảng 350 m² thì nhà xưởng hiện tại ở các khu công nghiệp lại có diện tích gấp đôi, thậm chí gấp ba (khoảng 1000 m²). Hơn nữa, các doanh nghiệp sử dụng đều muốn có lối đi riêng khi thuê kho bãi nhưng hệ thống kho bãi hiện tại trên diện tích rộng lại sử dụng lối đi chung. Nếu các doanh nghiệp sử dụng muốn thuê cần phải bỏ chi phí cải tạo. Điều này ảnh hưởng tới quyết định sử dụng của doanh nghiệp. Thực tế này cũng đặt ra một vấn đề cần giải quyết là công tác nghiên cứu thị trường của các doanh nghiệp cung cấp còn yếu. Hơn nữa, vai trò tư vấn của chính quyền địa phương mà trực tiếp là Ban Quản lý các khu công nghiệp chưa được thể hiện một cách hiệu quả. Đánh giá cả các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ cho thấy như hình 4.

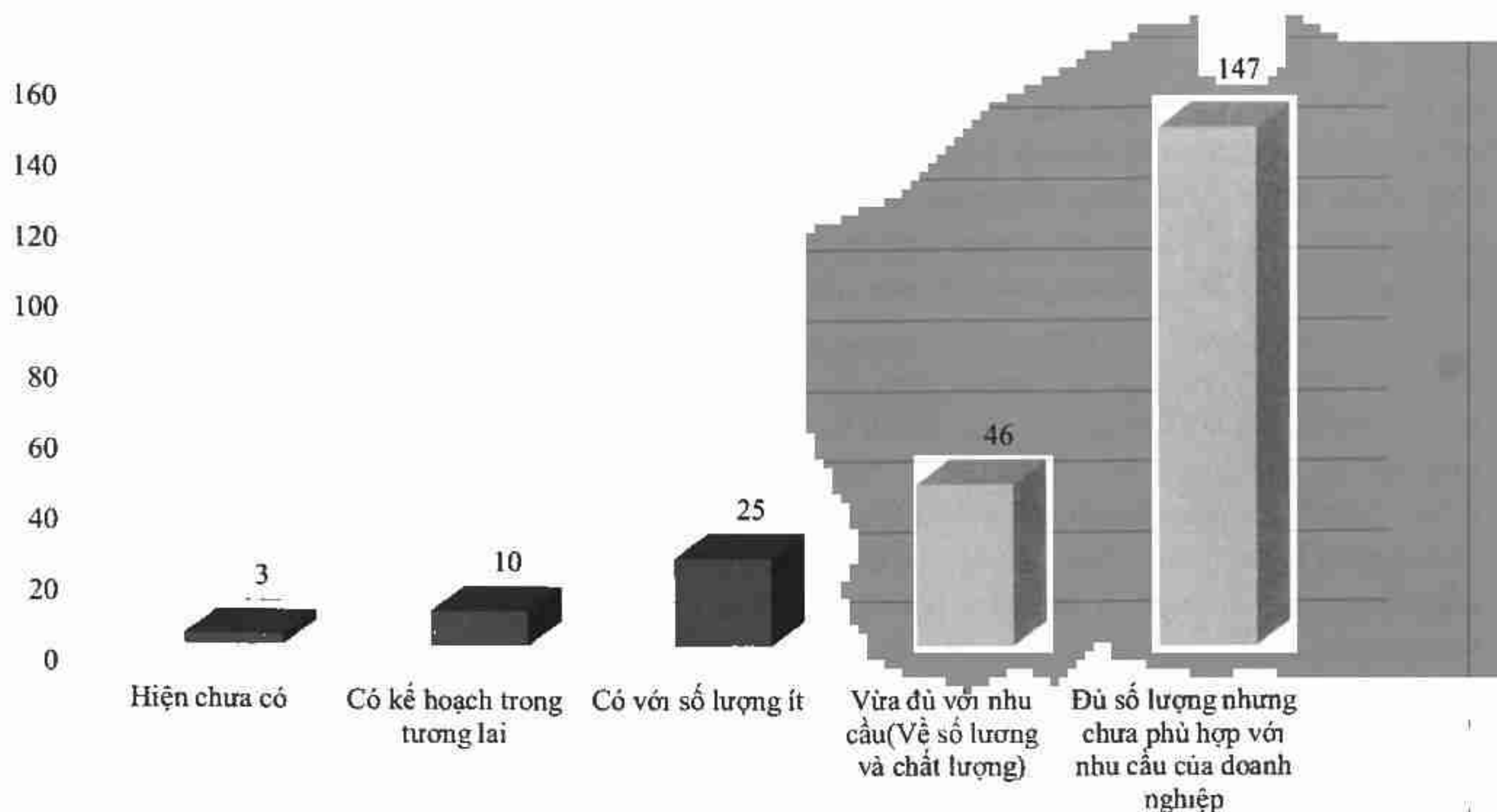
Đánh giá về dịch vụ cho thuê kho bãi (hình 4), một tỷ lệ rất cao các doanh nghiệp cho rằng việc cho thuê kho bãi mới chỉ đáp ứng đủ số lượng nhưng chưa phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp (147/231 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 63,6%). Đây là con số đáng lưu ý, đặc biệt dịch vụ cho thuê kho bãi rất quan trọng với các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, chỉ 19,9% doanh nghiệp cho rằng dịch vụ cho thuê kho bãi vừa đủ với nhu cầu về số lượng và chất lượng. Những thống kê này cho thấy, các doanh nghiệp cung cấp cần quan tâm đặc biệt tới vấn đề nghiên cứu thị trường nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu ngày một khắt khe của doanh nghiệp.

4.3. Đánh giá từ phía chuyên gia

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, ý kiến của các

Hình 4: Đánh giá về dịch vụ cho thuê kho bãi trong Khu công nghiệp Bắc Ninh



Nguồn: Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh (2012)

chuyên gia cho rằng dịch vụ kết cấu hạ tầng trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh có một số nét tích cực:

Thứ nhất, chính phủ đã có những chính sách tương đối rõ ràng, cụ thể trong việc xây dựng, triển khai cơ chế, chính sách phát triển khu công nghiệp trên nhiều lĩnh vực như quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, thương mại... hay vấn đề tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ của các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp.

Về phía Ủy ban Nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp về cơ bản đã phát huy vai trò trong việc phát triển dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp.

Thứ hai, các doanh nghiệp đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp đã tích cực trong việc hoàn thiện, đổi mới kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp. Tỷ lệ khu công nghiệp có công trình xử lý chất thải tập trung đã đi vào vận hành tăng đáng kể, hơn 25% so với những năm đầu của kế hoạch 5 năm 2006-2010. Để làm rõ hơn vấn đề này, tác giả tiến hành phỏng vấn sâu chuyên gia. Theo đó, ông Ngô Sỹ Bích (Trưởng ban quản lý các Khu công nghiệp) cho rằng "Từ năm 2011, Ủy ban Nhân dân tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp đã quan tâm, chú trọng đến hệ thống chính trị thông qua chương trình đào tạo, cơ chế một cửa. Điện, nước được cung cấp 24/24 với công

suất 360KWH".

Bên cạnh đó, một số vấn đề cũng được đặt ra:

Thứ nhất, có trường hợp hợp đồng ký giữa doanh nghiệp cung cấp và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật bằng tiền USD nhưng thực hiện thanh toán bằng tiền VND với tỷ giá trôi nổi. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ tính chính xác của hóa đơn đo và giấy tờ cần thiết để chứng minh tính xác thực của việc sử dụng dịch vụ cũng chưa được thực hiện đồng bộ và nhất quán.

Thứ hai, nhiều công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp chưa đồng bộ. Liên quan đến vấn đề này, khi tác giả thực hiện phỏng vấn, ông Kenichi Ohno (giám đốc Diễn đàn phát triển Việt Nam) nhận định, "Điểm mạnh của Bắc Ninh trong việc thu hút doanh nghiệp đầu tư hoạt động trong khu công nghiệp mới chỉ dừng ở việc có thể mạnh lớn nhất là vị trí địa lý, nguồn lao động chất lượng cao, ý thức tốt, được đào tạo tốt" mà chưa phải là có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp đảm bảo.

Thứ ba, một nhận định nữa được các chuyên gia đồng nhất là một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa hoạt động hiệu quả như mong đợi. Ví dụ như số lượng nhà máy xử lý nước thải tập trung đã tăng lên nhưng theo báo cáo của Ban Quản lý các khu công nghiệp, tại khu vực xung quanh khu công nghiệp, một số tiêu chuẩn nước thải vẫn vượt quá quy định cho phép. Cũng

theo kết quả phỏng vấn, ông Lâm Thanh Sơn (phó trưởng phòng kinh doanh thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh) cho rằng “Các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, nơi cung cấp các dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp chưa có bộ phận nghiên cứu thị trường hoặc có nhưng thu thập thiếu hoặc chưa đúng thông tin nên đã đánh giá sai nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp dẫn tới việc cung cấp dịch vụ không phù hợp yêu cầu”.

Thứ tư, cách thức xây dựng chính sách của tỉnh vẫn còn dựa theo phong cách mệnh lệnh, tập trung từ trên xuống, chu trình hoạch định chính sách gần như đặt hệ thống doanh nghiệp chỉ là “đối tượng điều chỉnh” của các quyết định chính sách, chứ không phải là “chủ thể”, hay “đối tượng thụ hưởng” dẫn đến nảy sinh một số bất cập. Khâu yếu nhất trong chính sách hiện nay là vấn đề điều tiết và sử dụng các công cụ hỗ trợ gián tiếp để điều tiết hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ năm, việc phân cấp, phân quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp còn hạn chế. Ban Quản lý được giao nhiệm vụ ủy quyền nhưng không có chức năng xử phạt. Bên cạnh đó, mặc dù đã có Quy chế phối hợp nhưng tình trạng kiểm tra các doanh nghiệp trong khu công nghiệp giữa các ngành còn chồng chéo. Điển hình như việc thanh tra bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp được thực hiện cùng lúc với cùng nội dung bởi Thanh tra Sở Tài nguyên – Môi trường, Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm trong lĩnh vực môi trường, Tổng cục bảo vệ môi trường.

Chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp và chính sách xây dựng môi trường kinh doanh chưa có tác động mạnh để phát triển ngành công nghiệp mũi nhọn, tác động lan tỏa còn hạn chế. Cơ cấu đầu tư theo vùng vẫn có sự bất hợp lý, chưa tạo được môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, chỉ số PCI mới chỉ ở mức khá, chênh lệch giữa xếp hạng môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh về môi trường kinh doanh khá nhiều. Điều đó cho thấy việc thu hút đầu tư dựa vào lợi thế sẵn có như điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý thuận lợi.

5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Từ kết quả nghiên cứu, một số vấn đề nổi bật được rút ra là:

Mặc dù chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện, phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp về số lượng, chất lượng, giá nhưng các dịch vụ này còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng đúng nhu cầu của các doanh nghiệp sử dụng và chưa mang tính cạnh tranh.

Các chủ đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp chưa thực hiện tốt công tác hoạch định chiến lược; việc thực hiện các hoạt động quảng cáo, truyền thông hình ảnh doanh nghiệp chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Việc kiểm tra, giám sát quá trình hoàn thiện, cung cấp và sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh cần được thực hiện chặt chẽ và quyết liệt hơn.

6. Kết luận

Nghiên cứu mong muốn cung cấp cái nhìn đa chiều từ góc độ khác nhau của người cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ và nhà hoạch định chính sách đối với dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh. Với quan điểm như vậy đặt trong mối quan hệ với phân tích, đánh giá trên đây, có thể đưa ra một số kết luận sau:

- Thứ nhất, việc phát triển Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp cần phải gắn với chiến lược phát triển chung của Nhà nước và địa phương, đảm bảo tính đồng bộ;

- Thứ hai, cần gia tăng sự tham gia của nhiều thành phần, đặc biệt là thành phần kinh tế tư nhân trong việc cung cấp Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng chất lượng dịch vụ cung cấp, tăng khả năng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cung cấp;

- Thứ ba, cần quan tâm hơn tới chính sách, chương trình thúc đẩy các doanh nghiệp cung ứng Dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp; tăng cường vai trò “cầu nối” giữa các doanh nghiệp cung ứng và doanh nghiệp sử dụng.

- Thứ tư, để phát triển nhu cầu dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, tác giả cho rằng cần: (1) nâng cao nhận thức của doanh nghiệp sử dụng về tầm quan trọng của dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp; (2) nâng cao tính hấp dẫn nhằm tăng số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp để phát triển “cầu” sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp.

Những nhận định này đồng nghĩa để phát triển dịch vụ kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp không chỉ cần giải quyết các vấn đề về phía doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (cung) mà cần đặt vấn đề phát triển này trong mối quan hệ tương tác với doanh nghiệp sử dụng dịch vụ (cầu) và sự tác động của các yếu tố tới cả hai nhóm đối tượng này. □

Tài liệu tham khảo

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh (2012), Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ, Bắc Ninh.
- Bộ kế hoạch và đầu tư (2012), Báo cáo tổng kết 20 năm xây dựng và phát triển Khu công nghiệp, Khu chế xuất ở Việt nam.
- Diễn đàn Phát triển Việt Nam (2012), Thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ Nhật Bản nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ Việt Nam tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, Hà Nội.
- Kazak, Tan (2001), *Guide to Market Assessment for BDS Program Design*, International Labor Organization, Geneva.
- Trần Ngọc Hưng (2006), Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách và một số giải pháp nhằm hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất trong thời gian tới, Đề tài nghiên cứu khoa học.
- Vũ Đức Quyết (2007), Giải pháp phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Đề tài nghiên cứu của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.
- Nguyễn Huy Tiệp (2008), Thực trạng và giải pháp phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Kỷ yếu hội thảo khoa học Giải pháp phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Bắc Ninh.
- UNCTAD (1995a), Tác động của tự do hóa và nhập khẩu dịch vụ tới phát triển các khu vực dịch vụ cạnh tranh, và những khó khăn đối với các nước đang phát triển ngăn cản họ gia tăng sự tham gia vào thương mại và dịch vụ thế giới. Geneva: UNCTAD, (TD/B/CN.4/43).

Infrastructure services in Bac Ninh industrial zone: Evaluation and discussion

Abstract:

Infrastructure services in industrial zones play an important role in investment attraction and development of industrial zones. Among provinces and cities across Vietnam, Bac Ninh is one of provinces that has the fastest economic growth. This paper provides an assessment of the infrastructure services from the viewpoints of service providers, service users, and government bodies. The study focuses on 4 types of infrastructure services in industrial zone including power supply service, water supply service, wastewater treatment service, and warehouse rental service. By analyzing the viewpoints collected, the paper provides some conclusions and solutions to the service in Bac Ninh industrial zones.

Thông tin tác giả:

***Hà Sơn Tùng, tiến sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: hasontungneu@yahoo.com

****Nguyễn Thị Nga, thạc sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Học viện Ngân hàng